

VĂN HÓA CỦA NGƯỜI LÔ LÔ ĐEN TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KINH TẾ VÀ DU LỊCH Ở VÙNG BIÊN GIỚI TỈNH HÀ GIANG¹

TS. Trần Thị Mai Lan

ThS. Lê Thị Hương

Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Người Lô Lô Đen là một trong những cư dân đầu tiên có mặt ở xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Tuy là dân tộc có dân số ít nhưng họ vẫn bảo tồn được nhiều nét văn hóa truyền thống khá đậm nét. Với sự nhanh nhạy cùng khả năng thích ứng cao trong bối cảnh biến đổi kinh tế và phát triển du lịch ở địa phương, người Lô Lô Đen đã khai thác được các cơ hội thuận lợi về chính sách, sự giúp đỡ của những cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước nên đã bước đầu thành công trong việc biến văn hóa thành tài sản, thiết thực bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống, đồng thời gắn văn hóa với phát triển đời sống kinh tế của người dân.

Từ khóa: Văn hóa, biến đổi kinh tế, du lịch, người Lô Lô Đen, Hà Giang.

Ngày nhận bài: 20/8/2018; ngày gửi phản biện: 28/8/2018; ngày duyệt đăng: 13/10/2018

Đặt vấn đề

Văn hóa của các dân tộc thiểu số luôn có sự giao thoa, tự làm phong phú và biến đổi theo thời gian. Khác với những biến đổi về kinh tế, xã hội là những biến đổi dễ nhận thấy và xảy ra tương đối nhanh chóng, các biến đổi về văn hóa thường diễn ra từ từ nhưng lại có tác động mạnh mẽ đến đời sống của tộc người. Sự biến đổi văn hóa có thể làm đa dạng, phong phú thêm vốn văn hóa của tộc người trên cơ sở văn hóa truyền thống nhưng cũng có thể nhanh chóng bào mòn, làm mai một văn hóa truyền thống của họ, thậm chí một số tộc người đang đứng trước nguy cơ mất văn hóa truyền thống, nhất là các tộc người có dân số ít, đang sinh sống ở những địa bàn biên giới, khó khăn. Nếu bị mất văn hóa truyền thống, những tộc người này dễ dàng bị đồng hóa với các tộc người có dân số đông hơn và mất bản sắc dân tộc.

Lô Lô là một trong 15 dân tộc có dân số ít ở nước ta hiện nay. Người Lô Lô có nguồn gốc từ Trung Quốc di cư sang Việt Nam từ khoảng thế kỷ XVIII (Vũ Diệu Trung Chủ biên, 2009, tr. 10), đã sinh sống lâu đời ở khu vực biên giới Hà Giang và tạo lập được các giá trị văn hóa riêng của mình. Từ bao đời nay, họ đã cùng các dân tộc khác trụ vững ở vùng biên giới của Tổ quốc, tạo nên nét đặc sắc của văn hóa các dân tộc vùng biên giới Việt - Trung. Trải qua quá trình tồn tại và phát triển, văn hóa của người Lô Lô đã có những bước phát triển

¹ Bài viết là kết quả của đề tài cấp Bộ “Đặc trưng văn hóa của hai dân tộc Lô Lô và Cờ Lao ở vùng biên giới tỉnh Hà Giang” do TS. Trần Thị Mai Lan và ThS. Đoàn Việt lâm Đồng chủ nhiệm.

và biến đổi không ngừng, nhất là trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập hiện nay. Đây cũng là vấn đề mà chúng tôi quan tâm đề cập đến trong bài viết này.

Lũng Cú - xã biên giới địa đầu của Tổ quốc là nơi sinh sống của người Lô Lô Đen (một nhóm địa phương của dân tộc Lô Lô), kể từ khi họ đặt chân đến Việt Nam. Là điểm cực Bắc của Việt Nam, lại nằm trong địa phận của Công viên địa chất cao nguyên đá Đồng Văn, Lũng Cú là địa điểm du lịch nổi tiếng, thu hút được số lượng lớn khách tham quan ghé thăm khi tới Hà Giang. Đặc điểm này là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế và du lịch của địa phương, khiến cho đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số trong xã có những biến đổi nhất định trên nhiều mặt, nhất là văn hóa tộc người, trong đó có người Lô Lô Đen² cư trú tại thôn Lô Lô Chải.

2. Văn hóa truyền thống của người Lô Lô Đen

2.1. Văn hóa vật chất

Văn hóa vật chất của người Lô Lô Đen biểu hiện những đặc điểm địa lý đặc trưng nơi họ sinh sống. Nguồn lương thực truyền thống của người Lô Lô Đen là ngô, gạo và hạt mạch. Dụng cụ nấu ăn xưa của người Lô Lô là chảo gang, nồi đồng hình cầu bẹt, chỗ đổ xôi được đục từ thân cây gỗ và muối gỗ to. Ngày trước, đồng bào chủ yếu ăn *mèn mèn* với rau và thực phẩm trong bữa ăn hàng ngày. Các món ăn truyền thống của họ hạn chế dùng gia vị. Các món thịt thường được nấu có nước chứ ít khi chế biến khô. Đồ uống là nước đun sôi, nước chè và rượu ngô tự nấu. Xưa kia, họ chủ yếu hút thuốc lá tự trồng và chế biến.

Nam phục Lô Lô Đen không có khác biệt nhiều so với các dân tộc khác, gồm: quần chân què, cạp lá tọa thắt dài rút, ống rộng, áo cổ đứng, xẻ tà ở nách bên phải, cúc áo được tết bằng vải. Điểm nổi bật nhất của bộ nữ phục Lô Lô là những chùm len trang trí trên khăn, áo và dọc theo những đường hoa văn. Chiếc áo truyền thống của phụ nữ Lô Lô Đen là áo chui đầu, được may bằng vải bông hoặc lanh, nhuộm bằng chất liệu tự nhiên, có 4 mảnh: mảnh trước, mảnh sau và hai mảnh bên cạnh. Các họa tiết hoa văn được tạo bằng cách thêu chỉ màu trang trí chứ không ghép vải để tạo hoa văn như nhóm Lô Lô Hoa, phía sau vai áo được trang trí bởi mảng hoa văn sắc sỡ, tay áo được trang trí bởi những vòng tròn nhiều màu nối tiếp nhau. Váy được may dài đến gần gót chân, có tạp dề phủ bên ngoài. Phụ nữ Lô Lô Đen còn quần xà cạp, đội khăn thêu và đeo vòng cổ, vòng tay, xà tích. Vòng cổ có hai lớp: vòng đeo sát chân cổ được làm vải đỏ hoặc hồng, có đính tua len, phía dưới là vòng bạc có gắn nhiều lục lạc nhỏ; vòng tay bằng bạc hoặc kim loại đúc dẹt, có khắc hoa văn.

Nhà ở truyền thống của người Lô Lô Đen thường được dựng theo hướng dựa vào núi, cửa quay ra hướng có dòng nước chảy, đặc biệt kiêng kỵ cửa nhà đối diện với cửa hang, hốc. Nhà truyền thống có 3 loại: nhà đất, nhà sàn và nhà nửa đất nửa sàn; mặt bằng nhà được bố

² Trong tỉnh Hà Giang, nhóm Lô Lô Đen cư trú tập trung chủ yếu ở xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn; nhóm Lô Lô Hoa tập trung chủ yếu ở huyện Mèo Vạc.

trí 3 - 5 gian. Gian giữa là nơi có cửa chính, đối diện với cửa là bàn thờ để thờ cúng tổ tiên và các vị thần linh, gian bếp được đặt ở bên trái nhà, bên phải là nơi ngủ của các cặp vợ chồng con trai, cũng là nơi có cầu thang lên gác xép. Gác xép là nơi cất giữ lương thực, cũng là nơi ngủ của những đứa con chưa lập gia đình và khách. Hiên nhà là nơi cất giữ công cụ lao động. Xung quanh nhà là khu vệ sinh, vườn trồng các loại rau, cây ăn quả và chuồng chăn nuôi gia súc, gia cầm. Điểm đặc biệt trong ngôi nhà truyền thống của người Lô Lô Đen khác với các cộng đồng Lô Lô khác là cổng nhà và hàng rào được xếp bằng đá với kỹ thuật độc đáo của cư dân sinh sống ở vùng núi đá.

Canh tác trên nương đá là nét độc đáo của cư dân sinh sống trên cao nguyên đá núi chung và người Lô Lô Đen nói riêng. Họ tận dụng được những khoảng đất nhỏ giữa các hốc đá hoặc xếp đá xung quanh tạo nên những khoảnh nương rồi đổ đất vào đó để trồng cây; còn nương đá với các hốc đất nhỏ chủ yếu dành để trồng ngô. Ngoài việc canh tác trên nương là chính, người Lô Lô còn biết canh tác trên ruộng bậc thang với các loại lúa và rau màu. Công cụ sản xuất trước kia của người Lô Lô còn thô sơ, chủ yếu là cây, bừa, làm cỏ theo lối thủ công. Trước kia, người Lô Lô thường sử dụng cây của người Hmông vì nó chắc khỏe, phù hợp với những địa hình canh tác dốc, nhiều đá cứng. Sau này, họ đã chuyển sang dùng cây 51 phổ biến hơn. Vì canh tác ở địa hình có độ dốc lớn, nhiều đá nên họ chủ yếu dùng sức kéo của bò để cày nương, chỉ ở những thửa ruộng bậc thang tương đối bằng mới dùng sức kéo của trâu. Phương tiện vận chuyển thông dụng của người Lô Lô là ngựa nếu phải vận chuyển với khoảng cách xa; ngoài ra người dân còn dùng gùi đựng dụng cụ sản xuất và các đồ dùng sinh hoạt hàng ngày, đeo lên vai để chuyên chở.

Văn hóa vật chất của người Lô Lô Đen biểu hiện sự thích nghi khi đến sinh sống và phát triển ở khu vực biên giới của cao nguyên đá Đồng Văn. Mặc dù trải qua biến động chiến tranh nhưng họ vẫn giữ được phần lớn những giá trị văn hóa vật chất do tổ tiên tạo lập và lưu truyền lại cho đời sau.

2.2. Văn hóa tinh thần

Ngôn ngữ của người Lô Lô Đen là tiếng Lô Lô thuộc ngữ hệ Hán - Tạng (Không Diễn, Trần Bình Đồng chủ biên, 2007, tr. 29). Người Lô Lô ở Lũng Cú có ngôn ngữ giống như người Di ở châu Văn Sơn của tỉnh Vân Nam, Trung Quốc và khác nhiều so với ngôn ngữ của nhóm Lô Lô Hoa ở Mèo Vạc. Do sinh sống lâu dài bên cạnh cộng đồng người Hmông nên người Lô Lô tại Lũng Cú cũng có thể nói tiếng Hmông thành thạo. Xưa kia, người Lô Lô cũng có chữ tượng hình nhưng từ lâu đã không còn sử dụng.

Trải qua quá trình tồn tại lâu dài ở Lũng Cú, người Lô Lô Đen đã tích lũy được vốn tri thức dân gian độc đáo liên quan đến lao động sản xuất, chăm sóc sức khỏe. Trong thôn Lô Lô Chải, có hai người biết lấy thuốc nam để chữa những bệnh thông thường như: sốt, cảm mạo, khó sinh con, thuốc giúp phụ nữ đang nuôi con bị mất sữa, thuốc giúp người mẹ có nhiều sữa nuôi con,... Ngoài thuốc, họ còn sử dụng những tri thức dân gian để phòng tránh

và loại trừ bệnh tật như: bói bệnh; khi gia đình có người mới sinh thì trong vòng 3 ngày tất cả mọi người không được mang đồ đạc, thức ăn ra khỏi nhà để tránh cho đứa trẻ quấy khóc; người lạ đến chơi phải bỏ giày dép ở ngoài nhà để tránh cho sản phụ bị cặn sữa,...

Về văn hóa tâm linh, người Lô Lô Đen quan niệm mọi vật đều có linh hồn, điều đó được biểu hiện qua câu chuyện thôn Lô Lô Chải xưa kia có gốc cây thiêng được chọn làm nơi thờ cúng của cả thôn, người dân quan niệm ma tổ tiên của người Lô Lô ngụ ở đó. Trống đồng không chỉ là một loại nhạc khí độc đáo mà còn là vật thiêng, là biểu tượng của vũ trụ, của sức sống trong quan niệm của người Lô Lô. Trước đây, mỗi dòng họ đều có một bộ trống đồng do trưởng họ giữ và bảo quản bằng cách chôn xuống đất vì sợ bị mất cắp. Người Lô Lô dùng trống đồng trong lễ tế trời đất, để giữ nhịp nháy múa trong đám ma và trong lễ cúng tổ tiên vào dịp Tết tháng Bảy Âm lịch. Một nét độc đáo trong văn hóa của người Lô Lô Đen là tục nháy múa trong điệu múa người rừng theo nhịp trống đồng để tiễn người chết, họ không mang tâm lý nặng nề, đau thương trong đám tang. Điệu múa thể hiện quan niệm về nguồn, tái hiện lại đời sống sinh hoạt và sản xuất hàng ngày của người Lô Lô để người mất làm theo như vậy ở thế giới bên kia. Khi sử dụng, người ta đánh trống cái trước, trống đục sau; trống cái có âm vang, trống đục có âm trầm. Ngoài 36 điệu múa trống đồng trong đám ma, người Lô Lô còn có các bài hát dân gian, hát giao duyên độc đáo được hát trong các buổi sinh hoạt cộng đồng truyền thống.

Lễ cúng thần thổ địa chung của thôn là một trong những phong tục độc đáo của người Lô Lô ở Lũng Cú, trước kia diễn ra vào ngày 25 tháng 7 hàng năm. Lễ này cúng ông Dung - người Lô Lô đầu tiên đến sinh sống ở Lũng Cú. Được coi là “vua” của tộc người Lô Lô, ông có công tổ chức tập hợp các tộc người ở địa phương để cùng chống lại kẻ thù (PVS nam, Trưởng thôn Lô Lô Chải, xã Lũng Cú). Tuy nhiên, lễ này đã bị lãng quên khoảng 30 - 40 năm nay do thầy cúng chính của thôn mất; gần đây cộng đồng người Lô Lô Đen đã phục dựng lại để bảo tồn. Lễ vật tùy thuộc vào sự đóng góp lương thực, thực phẩm của người dân trong thôn, thông thường gồm: 1 con bò, 1 con lợn và 2 con gà. Thầy cúng của thôn là người chủ trì lễ cúng, cầu xin con người trong thôn được mạnh khỏe, vật nuôi trong thôn sinh sôi, nảy nở.

Lễ cúng tổ tiên của người Lô Lô Lũng Cú đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2012. Lễ này thường được tổ chức vào ngày 14 tháng 7 tại nhà trưởng họ. Người Lô Lô thờ cúng tổ tiên gần (dùy khế) trong vòng 3 đời và tổ tiên xa (pờ xi) từ đời thứ 4 trở đi. Trong gia đình, người ta thường lập bàn thờ tổ tiên sát vách gian giữa, đối diện với cửa chính. Bàn thờ là những hình nhân được đeo bằng gỗ mỏng, cao khoảng 20cm, lấy than vẽ mắt, mũi rồi được cắm vào giá làm bằng thân cây trúc. Lễ vật cúng gồm có: 1 con bò, 1 con lợn, 1 con gà, xôi rượu, tiền vàng và trống đồng - nhạc cụ không thể thiếu trong quá trình cúng. Lễ cúng tổ tiên cũng như lễ cúng trong đám ma phải có người nháy lễ trong trang phục ma cô - trang phục được bện từ loại cỏ rừng tên là *gà lô nga*. Người nháy lễ trong trang phục này tượng trưng cho nguồn gốc tổ tiên của người Lô Lô ở trên rừng. Ma cô chính là người dẫn đường, là cầu nối giữa con cháu với

tổ tiên của mình. Lễ cúng tổ tiên của người Lô Lô gồm ba phần chính: lễ hiến tế, lễ tưởng nhớ và lễ đưa tiễn tổ tiên. Đây cũng chính là nghi lễ đặc trưng của người Lô Lô đã được bảo tồn thành công.

2.3. Tập quán mưu sinh truyền thống

Trải qua quá trình sinh sống lâu dài trên địa hình cao nguyên đá, các hoạt động mưu sinh chính của người Lô Lô gắn với trồng trọt và chăn nuôi là trồng cây ngô theo phương thức thổ canh hốc đá và trồng lúa, rau màu ở những vùng ruộng, nương bằng. Canh tác trên nương đá là nét độc đáo của cư dân sinh sống trên cao nguyên đá nói chung và người Lô Lô Đen nói riêng. Họ tận dụng được những khoảng đất nhỏ giữa các hốc đá để trồng ngô hoặc xếp đá xung quanh tạo nên những khoảnh nương rồi đổ đất vào đó để trồng các loại cây khác. Ngoài việc canh tác trên nương là chính, người Lô Lô còn biết canh tác trên ruộng bậc thang với các loại lúa và rau màu

Các hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm đóng vai trò quan trọng thứ hai, do phụ nữ đảm nhiệm. Vật nuôi được thả rông, đêm được cột ở gần nhà. Sản phẩm từ chăn nuôi chỉ đủ cung cấp thực phẩm và lễ vật cho các nghi lễ trong năm của gia đình. Các sản phẩm có được từ săn bắn, hái lượm không nhiều do địa hình núi đá với diện tích rừng nhỏ hẹp. Với sản phẩm hái lượm, ngoài các loại măng, họ còn khai thác được các loại cây, lá dùng để làm nguyên liệu chế biến thuốc nam. Các nghề phụ như nấu rượu, đan lát chỉ đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của gia đình, cộng đồng thôn bản. Nhìn chung, các hoạt động mưu sinh truyền thống của người Lô Lô ở Lũng Cú mang tính chất tự cấp tự túc.

Văn hóa truyền thống của người Lô Lô ở Lũng Cú mang nhiều nét độc đáo. Trải qua quá trình định cư lâu dài bên cạnh các tộc người có dân số đông hơn nhưng văn hóa của họ vẫn giữ được những đặc trưng riêng. Bên cạnh việc bảo tồn các đặc trưng văn hóa truyền thống, người Lô Lô cũng đã có những thay đổi có chọn lọc vừa để làm phong phú thêm vốn văn hóa của dân tộc mình vừa để phù hợp với bối cảnh mới.

3. Biến đổi về văn hóa của người Lô Lô ở Lũng Cú

Lũng Cú, nơi có cột cờ ghi dấu mảnh đất cực Bắc của Tổ quốc, là địa danh mang giá trị địa lý - văn hóa - chính trị. Nơi đây từng đón nhiều đoàn khách trong và ngoài nước đến tham quan. Đặc biệt, từ năm 2010 Công viên địa chất cao nguyên đá Đồng Văn được chính thức công nhận là thành viên của mạng lưới công viên địa chất toàn cầu, và từ năm 2015 lễ hội hoa tam giác mạch được tổ chức hàng năm ở Hà Giang là hai mốc thời gian quan trọng đã thúc đẩy du lịch Lũng Cú phát triển mạnh mẽ hơn trước. Bên cạnh đó, sự quan tâm của Nhà nước và tỉnh Hà Giang đến những dân tộc có dân số ít được thể hiện qua những chính sách cụ thể đã khiến cho văn hóa và tập quán mưu sinh của người Lô Lô Đen ở Lũng Cú có những biến đổi nhất định.

3.1. Biến đổi về văn hóa vật chất

Biến đổi về ăn uống: Những biến đổi về kinh tế như tăng năng suất cây trồng, hàng hóa được lưu thông, thu nhập hộ gia đình tăng hơn trước... đã có tác động tới bữa ăn của người Lô Lô. Từ việc dùng ngô là lương thực chính, gần chục năm trở lại đây họ đã lấy gạo là lương thực chủ yếu trong bữa ăn hàng ngày. Hiện nay, *mèn mèn* chỉ được dùng vào những dịp lễ, Tết, lương thực được dùng hàng ngày là xôi và cơm tẻ. Hạt tam giác mạch xưa kia được dùng khi thiếu đói, nay được chế biến thành cháo, bánh để ăn và phục vụ khách du lịch. Các món ăn cũng đa dạng hơn trước, được chế biến phong phú giống như các món ăn của người Kinh. Ngoài rượu ngô, họ còn dùng các loại đồ uống khác như bia, nước ngọt được bày bán ở chợ địa phương.

Biến đổi về trang phục: Khoảng chục năm về trước, việc sử dụng trang phục truyền thống trong sinh hoạt hàng ngày của cộng đồng người Lô Lô Đen ở Lũng Cú vẫn còn khá phổ biến. Hiện nay, chỉ một vài người già trong thôn còn giữ trang phục truyền thống. Hầu hết người dân đã chuyển sang sử dụng trang phục của người Kinh trong sinh hoạt hàng ngày vì sự tiện dụng của nó đối với các hoạt động sinh hoạt, sản xuất. Trang phục truyền thống chỉ còn được người Lô Lô sử dụng trong đám cưới, đám tang, biểu diễn văn nghệ phục vụ khách du lịch. Trang phục truyền thống người Lô Lô dùng hiện nay cũng có nhiều biến đổi về chất liệu, màu sắc, cách trang trí hoa văn trên vải. Một số phụ nữ trung niên không còn dùng vải bông được sản xuất thủ công nữa mà chuyển sang sử dụng vải lanh của người Hmông; đa số dùng vải công nghiệp làm nền, sau đó thêu và ghép các mảnh thêu làm thành y phục. Các phụ kiện để trang trí trên bộ nữ phục được nhập từ Trung Quốc và bán sẵn tại chợ địa phương hoặc chợ giáp biên, được làm từ chất liệu vải pha nylon với những màu sắc phong phú đã thay thế hoàn toàn những phụ kiện trang trí được làm từ vải mà phụ nữ Lô Lô tự làm. Trước kia, người ta may và thêu y phục để mặc và biếu tặng nhau, ngày nay còn có thêm mục đích bán cho khách du lịch để tăng thêm thu nhập. Theo phong tục truyền thống, phụ nữ Lô Lô thường tự may trang phục cho mình và những người trong gia đình. Nay, do phải đảm đương nhiều công việc khác nhau, không có điều kiện tự may nên họ mua trang phục truyền thống của người trong thôn để dùng hoặc mua vải và phụ kiện trang trí rồi thuê người trong thôn may. Đồ trang sức của phụ nữ xưa chủ yếu được làm từ bạc và đeo thường xuyên, nay chỉ khi mặc y phục truyền thống họ mới đeo vòng, xà tích bằng bạc. Hàng ngày, phụ nữ Lô Lô đeo những trang sức được làm từ vàng và các kim loại khác với mẫu mã đa dạng có trên thị trường.

Biến đổi về nhà ở: Nhà ở của người Lô Lô Đen đã trải qua quá trình biến đổi, đặc biệt là chất liệu làm nhà. Khi mới đến Lũng Cú, nhà phổ biến của người Lô Lô là nhà trình tường, mái được làm bằng khung tre, lợp rơm, độ bền của loại mái này chỉ từ 1 - 3 năm. Từ khoảng đầu những năm 80 của thế kỷ XX, người Lô Lô Đen chuyển sang lợp mái bằng ngói do một người trong thôn đã thuê người Trung Quốc xây dựng lò ngói tại thôn để sản xuất ngói và bán cho người Lô Lô (PVS nam, sinh năm 1976, xã Lũng Cú). Từ đó, những gia đình có điều kiện thường làm nhà trình tường cao hơn, lợp mái ngói. Để lợp được ngói thì

khung nhà phải được làm chắc chắn hơn trước, khung tre được thay bằng khung gỗ, chủ yếu là loại gỗ sa mộc. Đầu những năm 2000, bên cạnh ngôi, nhiều gia đình đã chuyển sang lợp mái bằng tấm lợp pro xi măng, tường nhà được xây bằng gạch đóng từ cát và xi măng³.

Hiện nay, người Lô Lô Đen ở Lũng Cú hầu như không tự làm được nhà mà thường phải thuê thợ xây từ Tuyên Quang. Theo đó, trong thôn hiện có ba xu hướng làm nhà: (1) Nhà để ở thường được xây bằng loại gạch đóng thủ công, lợp ngói hoặc tấm lợp vì loại nhà này xây nhanh, chi phí rẻ hơn; (2) Để kinh doanh du lịch, người Lô Lô ở đây dựng nhà trình tường, lợp ngói hoặc tấm lợp; và (3) loại nhà xây gạch giả trình tường. Nhà trình tường xây dựng mất nhiều thời gian, chi phí tốn kém hơn nên chỉ những gia đình có điều kiện mới làm được. Một số gia đình trong thôn được ông Yasushi Ogura - một khách tham quan người Nhật tài trợ kinh phí xây dựng nên phần trang trí nội thất trong nhà hiện đại, khang trang hơn, nhất là khu phụ như bể nước, nhà vệ sinh được xây dựng tiện nghi giống như nhà người Kinh. Mái bằng nhà kinh doanh du lịch theo mô hình homestay cũng có những biến đổi so với mái bằng nhà ở truyền thống của người Lô Lô Đen, diện tích nhà được ngăn thành các không gian riêng biệt. Một số hộ kinh doanh du lịch xây dựng phòng có diện tích nhỏ để tạo không gian riêng cho những đoàn khách du lịch ít người. Bao quanh khuôn viên của một số nhà, tường rào xếp đá cũng được thay thế bằng tường xây gạch, cổng sắt.

Biến đổi về tập quán sản xuất: Ngoài những công cụ sản xuất chính như cày, bừa, công cụ làm cỏ..., từ năm 2016 do có sự hỗ trợ của Nhà nước nên người Lô Lô bên cạnh việc áp dụng những biện pháp kỹ thuật mới trong sản xuất đã sử dụng công cụ tiên tiến hơn như máy cày, máy làm đất tại những thửa ruộng bằng, thấp. Phương tiện vận chuyển bằng gùi đan từ tre, mây nay phần lớn đã được thay bằng gùi nhựa đúc được sản xuất từ Trung Quốc. Từ khi đường liên thôn được xây dựng, xe máy được đưa vào sử dụng thay cho ngựa, việc chuyên chở nhanh chóng và tiện lợi hơn trước.

3.2. Biến đổi về văn hóa tinh thần

Ngoài ngôn ngữ mẹ đẻ, đa số người Lô Lô ở Lũng Cú đều nói được thành thạo tiếng Hmông và tiếng phổ thông. Những người trẻ tuổi, đặc biệt là cán bộ, những người có quan hệ làm ăn buôn bán và trẻ em đang theo học có thể nói được nhiều ngôn ngữ của các dân tộc sinh sống trong vùng như: Tày, Dao, Nùng. Một số người trẻ tuổi có thể nói được những câu tiếng Anh đơn giản để giao tiếp với khách du lịch nước ngoài.

Do môi trường sinh sống, điều kiện thời tiết khí hậu thay đổi, nên hiện nay một số tri thức dân gian trong lĩnh vực sản xuất, chăm sóc sức khỏe của người Lô Lô không còn được áp dụng. Những giống cây trồng, vật nuôi của địa phương trước kia nay phần lớn đã được thay thế bằng các giống mới do Nhà nước cung cấp và những loại giống do người dân nhập từ bên kia biên giới, vì thế những kinh nghiệm trong sản xuất được các thế hệ trước của

³ 1 người Kinh đã mang loại gạch này đến sản xuất ở Lũng Cú, 1 bao xi măng trộn với 1m³ cát có thể đóng được 50 viên gạch.

người Lô Lô tích lũy không còn phù hợp và ít được áp dụng. Điều kiện khám chữa bệnh, hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe sinh sản đã được đáp ứng tốt hơn nên người Lô Lô ít sử dụng kinh nghiệm dân gian như trước kia. Khoảng 30% dân số trong thôn đã có thói quen chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế nên những tri thức dân gian về chăm sóc sức khỏe cũng ít được áp dụng trong cộng đồng hơn trước.

Một số nghi lễ trong sinh hoạt văn hóa tinh thần của người Lô Lô cũng có những biến đổi nhất định. Xưa kia, việc sử dụng trống đồng trong dòng họ, cộng đồng phải tuân thủ theo quy tắc nghiêm ngặt: khi lấy ra sử dụng và cất đi đều phải có lễ vật để cúng; trống đồng thường được sử dụng trong đám ma và dịp cúng tổ tiên vào tháng Bảy Âm lịch, vì thế địa điểm đánh trống phải cách xa nơi ở của người dân để tránh điều không may xảy ra. Tuy nhiên, từ khi du lịch phát triển, do phục vụ nhu cầu của khách nên việc sử dụng trống đồng của người Lô Lô diễn ra thường xuyên hơn. Việc sử dụng trống và múa theo nhịp trống vốn là hoạt động văn hóa tinh thần mang ý nghĩa sâu sắc của người Lô Lô thì nay được trình diễn dưới dạng các tiết mục văn nghệ tại nhà văn hóa cộng đồng của thôn. Trống đồng của các dòng họ cũng đã bị thất lạc gần hết. Ngoài cặp trống đồng chung của thôn được đúc mới từ khi thực hiện chính sách bảo tồn văn hóa truyền thống và được sử dụng trong trình diễn văn nghệ phục vụ khách tham quan, cả thôn Lô Lô Chải hiện nay chỉ còn duy nhất một cặp trống đồng cổ, và được sử dụng chung trong thôn khi có nghi lễ quan trọng.

Bên cạnh đó, một số nghi lễ cộng đồng đã được tổ chức với sự thay đổi nghi thức cho phù hợp với điều kiện và bối cảnh mới hiện nay. Lễ cúng thần thổ địa trước kia được tổ chức tại gốc cây thiêng trong thôn, nay được tổ chức tại nhà văn hóa thôn. Lễ vật cúng trước kia được người dân trong thôn đóng góp, chủ yếu là lương thực, thực phẩm, nay hầu hết đóng góp bằng tiền mặt. Chủ trì lễ cúng hiện nay, ngoài Trưởng thôn và thầy cúng còn có đại diện các bộ phận trong hệ thống chính trị cơ sở như: Bí thư thôn, Bí thư Đoàn thanh niên, Mặt trận thôn, Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn, công an viên, đội trưởng dân quân cùng chủ trì.

3.3. Biến đổi về hình thức mưu sinh



Sản xuất nông nghiệp vẫn là hoạt động mưu sinh chính trong đời sống của đại bộ phận các hộ gia đình người Lô Lô. Mặc dù sản lượng lúa thu hoạch được chưa đủ so với nhu cầu nhưng người Lô Lô đã có thêm những nguồn thu nhập khác để có thể mua gạo đủ ăn, trong đó có việc bán hoa quả trồng được như: mận, lê, đào... cho khách du lịch. Một số hộ gia đình có xu hướng thoát ly nông nghiệp do lao động chính trong gia đình làm cán bộ hoặc buôn bán là chính và những gia đình thiếu lao động, không có người làm nương, ruộng phải thuê thêm nhân công. Một hình thức nữa là họ cho người trong thôn mượn ruộng để làm rồi chia hoa lợi. Tuy nhiên, thu nhập từ trồng trọt hiện nay không cao nên có hộ gia đình bỏ hoang ruộng, nương, thoát ly nông nghiệp hoàn toàn. Một số hộ gia đình đã tổ chức trồng trọt, chăn nuôi theo mô hình trang trại, kết hợp trồng trọt các giống cây ăn quả mới như đào, mận, lê và các giống vật nuôi như: gà, lợn, thỏ, bò cừu. Tuy mô hình trang trại mới chỉ bắt

đầu, chưa có hiệu quả rõ rệt nhưng đã thể hiện sự thích nghi nhanh, đổi mới tư duy trong việc mưu sinh trước bối cảnh mới của cộng đồng người Lô Lô Đen.

Bên cạnh đó, một số hộ gia đình trong thôn đã có những nguồn thu nhập khác cao hơn nhiều so với thu nhập từ nông nghiệp. Nếu như người Lô Lô Hoa ở thị trấn Mèo Vạc sau khi bị thu hẹp quỹ đất dùng cho nông nghiệp có thêm thu nhập từ các hoạt động buôn bán tạp hóa, bán hàng ăn, trồng trọt, cho thuê phòng trọ... thì người Lô Lô Đen ở Lũng Cú chủ yếu có thu nhập thêm từ các hoạt động dịch vụ du lịch: thu nhập từ hoạt động du lịch cao gấp 5,5 lần, từ bán hàng lưu niệm ở chân cột cờ Lũng Cú⁴ cao gấp 10 lần so với thu nhập từ nông nghiệp. Dịch vụ du lịch ở bản Lô Lô Chải bắt đầu phát triển từ năm 2011. Một năm sau khi Công viên địa chất cao nguyên đá Đồng Văn được công nhận thuộc mạng lưới của Công viên địa chất toàn cầu, các tổ chức nước ngoài bắt đầu hỗ trợ người Lô Lô làm nhà truyền thống và phát triển du lịch. Năm 2012, ba gia đình trong thôn Lô Lô Chải bắt đầu kinh doanh dịch vụ homestay. Nhà trọ được xây dựng theo kiểu trình tường truyền thống, có xây dựng thêm hệ thống vệ sinh tiện dụng. Các gia đình phục vụ khách những món ăn truyền thống của người Lô Lô. Ông Yasushi Ogura - một khách tham quan người Nhật đã giúp đỡ một hộ dân xây dựng quán cà phê Cực Bắc ngay trong thôn để phục vụ khách du lịch. Bên cạnh sự giúp đỡ cụ thể và thiết thực của ông Yasushi Ogura, chương trình bảo tồn bản, làng, buôn truyền thống do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai, sự giúp đỡ của Đại sứ quán Luxembourg cũng như sự góp vốn kinh doanh của các công ty du lịch của tỉnh Hà Giang đã tạo được nguồn kinh phí giúp một số hộ gia đình mở rộng hoạt động kinh doanh du lịch homestay dựa trên vốn văn hóa đặc sắc của người Lô Lô. Đến 2017, thôn có 9 hộ gia đình kinh doanh dịch vụ homestay và các hoạt động trải nghiệm văn hóa của người Lô Lô. Trong vòng 5 năm trở lại đây, số tiền thu được từ dịch vụ này là 3.482.700 đồng (Ủy ban nhân dân xã Lũng Cú, 2017). Gắn liền với các hoạt động dịch vụ du lịch, nhiều nam giới Lô Lô đã có thêm công việc làm xe ôm chở khách du lịch đi tham quan, làm hướng dẫn viên du lịch địa phương, các gia đình có ruộng, nương ở vị trí gần đường giao thông cho xã thuê đất để trồng cây tam giác mạch sau vụ ngô phục vụ lễ hội hoa tam giác mạch hàng năm,... Từ năm 2015 đến nay, trong thôn có 15 hộ người Lô Lô đã đầu tư và sử dụng wifi nhằm mục đích kinh doanh, vừa để giới thiệu, mời khách du lịch đến với thôn Lô Lô Chải của Lũng Cú, vừa để khách du lịch lưu trú tại thôn sử dụng internet.

Ngoài kinh doanh du lịch, người Lô Lô ở Lũng Cú còn có các hình thức mưu sinh mới như: nấu rượu ngô, làm thuê. Rượu ngô từ men lá là đặc sản trong văn hóa ẩm thực của người Lô Lô. Hiện nay, việc tiêu thụ sản phẩm này cho thu nhập cao gấp 4 lần so với thu nhập từ nông nghiệp. Trước kia, gia đình nào cũng tự nấu rượu ngô bằng men lá để dùng trong gia đình, dần dần nấu rượu đã trở thành hoạt động được chuyên môn hóa. Hiện có 23 hộ gia đình trong thôn chuyên nấu rượu ngô men lá để bán cho người dân trong thôn và các địa phương khác trong huyện.

⁴ Anh Vàng Di Ba - người Lô Lô ở thôn Lô Lô Chải là bảo vệ và kinh doanh hàng lưu niệm ở Khu di tích cột cờ Lũng Cú.

Làm thuê trong khoảng thời gian nông nhàn là hình thức mưu sinh khá phổ biến của người Lô Lô trong những năm gần đây, bao gồm làm thuê trong xã, huyện, làm thuê ở các địa phương trong nước và làm thuê ở bên kia biên giới. Các công việc làm thuê tại địa phương thu hút khá đông người Lô Lô trong thôn tham gia, cả nam giới và phụ nữ, cả người già và người trẻ do công việc đơn giản, địa điểm làm gần nhà, tiện lợi cho việc quản lý và chăm sóc gia đình, cho thu nhập bình quân/tháng gấp 6 lần so với thu nhập bình quân từ nông nghiệp. Số người đi làm thuê ở các tỉnh khác trong nước chiếm tỷ lệ nhỏ. Đối tượng đi làm thuê ở Trung Quốc chủ yếu là nam thanh niên chưa lập gia đình, các công việc chủ yếu là liên quan đến nông nghiệp cho các chủ người Hmông ở huyện Malypheo, tỉnh Vân Nam; một số người đến Quảng Đông, Quảng Tây để làm, thời gian chỉ chiếm 7 - 8 tháng/năm nhưng thu nhập bình quân hàng tháng gấp 9 lần so với thu nhập từ nông nghiệp. Tuy nhiên, do hầu hết là lao động ngoài nước không hợp pháp nên nhiều lao động ở xã Lũng Cú, trong đó có người Lô Lô từng bị bắt, xử phạt hành chính và bị thu hết tiền công lao động. Một số trường hợp đi làm xa ở những địa phương nằm sâu trong nội địa Trung Quốc, nhưng thu nhập mang về không đáng kể do mất nhiều chi phí dọc đường. Thực tế cho thấy, đây là hình thức mưu sinh không ổn định, chứa đựng nhiều rủi ro.

4. Các hoạt động bảo tồn văn hóa truyền thống của cộng đồng người Lô Lô

Người Lô Lô ở Lũng Cú tiếp xúc với những thay đổi của kinh tế thị trường và phát triển du lịch từ khá sớm. Sự tiếp xúc đó không làm họ biến đổi nhiều về văn hóa truyền thống mà có ý thức giữ gìn vốn văn hóa của mình nhằm mục đích đầu tư phát triển lâu dài. Theo thống kê mới nhất của xã Lũng Cú, 59/95 hộ (khoảng 62,11%) người Lô Lô ở thôn Lô Lô Chải vẫn còn giữ nguyên lối kiến trúc nhà trình tường. Việc phát triển làng nghề thêu, dệt thổ cẩm cũng được chính quyền địa phương chú trọng trong những năm gần đây. Năm 2013, chính quyền xã phối hợp với Hội phụ nữ tỉnh Hà Giang tổ chức lớp thêu truyền thống tại làng Lô Lô Chải, đến nay thu hút được 35 phụ nữ tham gia và tiếp tục truyền dạy lại cho các thế hệ trẻ. Cũng từ năm 2013 đến nay, ước tính số tiền thu được từ các sản phẩm thêu, dệt thổ cẩm truyền thống của người Lô Lô là 139 triệu đồng. Thêu hoa văn truyền thống cũng được dạy ở các trường tiểu học cho những học sinh nữ người Lô Lô như một tiết học chính khóa. Đi cùng với hoạt động này là việc dạy múa và đánh trống đồng cho các học sinh nam người Lô Lô.

Về văn hóa tinh thần, người Lô Lô ở Lũng Cú đã có một số hoạt động quảng bá và bảo tồn văn hóa thiết thực như: quay phim, chụp ảnh, làm các phóng sự giới thiệu văn hóa truyền thống của người Lô Lô, trình diễn những bài hát giao duyên cổ của người Lô Lô kèm theo phụ đề bằng tiếng phổ thông để giới thiệu trên hệ thống internet, sưu tầm tư liệu và xin kinh phí để khôi phục lại lễ cúng thần rừng của cộng đồng. Những ý tưởng này xuất phát từ người đứng đầu thôn, được sự đồng thuận của người dân trong thôn là một trong những nguyên nhân đưa tới thành công của người Lô Lô tại Lũng Cú trong quá trình bảo tồn và phát huy vốn văn hóa truyền thống của mình.

Kết luận

Tuy là dân tộc thiểu số có dân số ít ở địa phương cũng như trong cả nước, nhưng người Lô Lô, nhất là cộng đồng người Lô Lô Đen ở Lũng Cú vẫn luôn là tộc người nổi bật trên nhiều mặt, trong đó có văn hóa. Không chỉ kiên cường giữ vững vùng biên giới của Tổ quốc trong quá khứ cũng như trong chiến tranh biên giới cuối thập niên 70 và 80 của thế kỷ XX, trong bối cảnh phát triển kinh tế, du lịch và hội nhập diễn ra ở Hà Giang, họ đã thể hiện sự nhanh nhạy, thích ứng tốt trong việc tận dụng được các cơ hội đầu tư, trợ giúp của Nhà nước cũng như những nguồn lực khác nhau để bước đầu bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống quý báu của tộc người đồng thời với việc phát triển đời sống kinh tế cho cộng đồng. Cộng đồng người Lô Lô ở thôn Lô Lô Chải, xã Lũng Cú đã trở thành điển hình của tỉnh Hà Giang nói riêng và cả nước nói chung trong việc biến văn hóa truyền thống thành tài sản. Đây cũng là bài học thực tế đối với những người làm công tác bảo tồn và phát triển văn hóa tộc người: chỉ khi nào chủ thể văn hóa nhận thức được đầy đủ về cái hay, cái đẹp, sự cần thiết phải gìn giữ và phát triển văn hóa truyền thống thì những giá trị văn hóa truyền thống của tộc người mới có thể được bảo tồn và phát huy triệt để, cũng vì thế mà chúng mới có thể tồn tại sống động nhất trong đời sống của nhiều thế hệ tộc người đó.

Tài liệu tham khảo

1. Khổng Diễn, Trần Bình (Đồng chủ biên, 2007), *Dân tộc Lô Lô ở Việt Nam*, Nxb. Thông tấn.
2. Ủy ban nhân dân xã Lũng Cú (2017), *Báo cáo thực hiện tiêu chí xây dựng danh hiệu Làng văn hóa du lịch cộng đồng thôn Lô Lô Chải, xã Lũng Cú năm 2017*.
3. Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc) (tái bản có sửa chữa, bổ sung)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Vũ Diệu Trung (Chủ biên, 2009), *Người Lô Lô Đen ở Hà Giang*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.